

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-PT

Ngày 01-4-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu
bồi thường thiệt hại về tài sản,
buộc di dời tài sản trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Ông Phạm Văn Tuệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, buộc di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 29 năm 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị V; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Công T - Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nông Văn N; cư trú tại: Thôn 2, đội 2, xã C, huyện C, tỉnh Đ, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị M; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Chị Nông Thị T (tên gọi khác: Nông Thị I); cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Chị Nông Thị C; cư trú tại: Khu phố 2, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Đoàn biên phòng C, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T, chức vụ: Phó Đoàn trưởng (đại diện theo văn bản ủy quyền lập ngày 15 tháng 11 năm 2018), vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn P, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nông Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, kết quả đo đạc tại mảnh trích đo địa chính số 107-2018 Hệ tọa độ VN 2000 và phụ lục đính kèm ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường; bà Hoàng Thị V và ông Nông Văn N tranh chấp quyền quản lý, sử dụng 5.780m² đất, trong đó có một phần diện tích đất và cây trồng trên đất đã bị Nhà nước thu hồi làm đường N - T; thuộc một phần thửa đất 16 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai; trên đất hiện nay có 57 cây thông và 01 nhà lều.

Nguyên đơn, bà Hoàng Thị V trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do bố mẹ chồng của bà là ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị M chia cho vợ chồng bà từ năm 1995, gia đình bà đã trồng thông và khai thác nhựa thông trên đất đó. Năm 2010 đội làm đường tuần tra biên giới đã ủi một phần đất để làm lán và để vật liệu. Năm 2016 Nhà nước mở đường N - T qua khu đất tranh chấp nên có một phần diện tích đất và cây trồng trên đất bị Nhà nước thu hồi; bà là người đứng ra kê khai để được hưởng quyền lợi của người có đất bị thu hồi nhưng do có tranh chấp với ông Nông Văn N nên đến nay gia đình bà chưa được nhận tiền đền bù. Ngày 25 tháng 5 năm 2018 ông Nông Văn N làm 01 nhà lều diện tích khoảng 20m² trên phần đất do đội làm đường tuần tra biên giới san ủi trước đó và đã chặt, đốt 17 cây thông của gia đình bà. Vì vậy, bà Hoàng Thị V khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là 5.780 m² (trong đó có một phần diện tích đất và cây trồng trên đất đã bị thu hồi làm đường

N -T); yêu cầu sở hữu 57 cây thông hiện có trên đất tranh chấp; yêu cầu ông Nông Văn N bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà với số tiền mà Hội đồng định giá tài sản đã định giá là 1.008.000 đồng (một triệu không trăm linh tám nghìn đồng), tương đương với giá trị của 17 cây thông đã bị chặt, bị đốt cháy; yêu cầu ông Nông Văn N tháo dỡ 01 nhà lều do ông Nông Văn N dựng trên đất tranh chấp. Đối với số tiền được đền bù bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của ai người đó sẽ có quyền được làm thủ tục nhận tiền đền bù với cơ quan có thẩm quyền.

Bị đơn, ông Nông Văn N trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông cha của ông để lại và ông đã được quản lý, sử dụng từ những năm 1960, có trồng 08 cây thông trên đó nhưng đã chặt hết, số cây thông trên đất hiện nay là do tự mọc không ai trồng. Năm 1996 ông chuyển vào Miền Nam sinh sống nên đã giao cho các con, các cháu quản lý, trông coi. Năm 2009 ông trở về thôn N, xã T dựng 01 cái lán trên đất đang tranh chấp hiện nay và ở đó được 01 năm rồi lại vào Miền Nam sinh sống. Tháng 02 năm 2018 ông lại trở về thôn N, xã T thì thấy Nhà nước làm đường qua đất đang tranh chấp nhưng ông không có tên trong danh sách nhận tiền đền bù. Qua tìm hiểu, ông được biết bà Hoàng Thị V đã đứng tên kê khai kiểm điểm và có tên trong danh sách đền bù nên ông và bà Hoàng Thị V phát sinh tranh chấp. Ngày 22 tháng 5 năm 2018, khi đốt dọn thực bì để trồng đỗ, khoai lang ông đã làm cháy 17 cây thông trên khu đất đang tranh chấp nhưng đây là cây mọc tự nhiên. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V, ông không đồng ý; ông yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ đất tranh chấp và sở hữu cây thông hiện có trên đất; không nhất trí bồi thường thiệt hại tài sản và tháo dỡ, di dời tài sản trên đất. Đối với số tiền được đền bù, ông không yêu cầu giải quyết chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết diện tích đất tranh chấp thuộc ai thì người đó được quyền nhận tiền đền bù.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Hoàng Thị M trình bày: Năm 15 tuổi bà đi làm dâu, từ đó bà cùng gia đình nhà chồng quản lý, sử dụng và trồng thông trên đất đang tranh chấp; năm 1992 gia đình bà đã chặt những cây thông to mang bán nên trên đất chỉ còn có vài cây thông nhỏ; năm 1995 bà cho vợ chồng con trai là Hoàng Văn S và con dâu Hoàng Thị V quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp. Quá trình gia đình bà quản lý, sử dụng đất ổn định cho đến năm 2018 thì xảy ra tranh chấp với ông Nông Văn N. Đề nghị Tòa án công nhận chị Hoàng Thị V được quyền quản lý sử dụng diện tích đất đang tranh chấp và sở hữu cây trồng trên đất.

Chị Nông Thị C, chị Nông Thị T (là các con của ông Nông Văn N) trình bày: Từ khi còn bé, các chị và gia đình được quản lý khu đất đang tranh chấp; khoảng năm 1975 gia đình chị cho Hợp tác xã mượn đất để làm khu vực ươm bầu cây thông; năm 1996 ông Nông Văn N đi Miền Nam sinh sống nên đã ủy quyền cho các chú là ông Nông Văn P, ông Nông Văn S, ông Nông Văn P quản lý khu đất đang tranh chấp; từ năm 2011 đến nay các chị được ông Nông Văn N

ủy quyền trực tiếp quản lý diện tích đất tranh chấp. Sau khi được ủy quyền các chị trông coi không cho người chặt phá, lấn chiếm chứ không tác động gì vào đất tranh chấp. Năm 2015, gia đình bà Hoàng Thị V trồng thông trên đất tranh chấp nên đã bị các chị nhổ đi. Nay các chị nhất trí với ý kiến của ông Nông Văn N đã trình bày.

Đồn biên phòng C trình bày: Hiện nay đơn vị đang phối hợp với các lực lượng liên quan rà soát hồ sơ, thu thập tài liệu, xác định ranh giới phạm vi khu đất quốc phòng do đơn vị quản lý và sẽ trả lời cho Tòa án sau.

Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Theo bản đồ đất lâm nghiệp đo đạc năm 2008, phần diện tích đất tranh chấp giữa bà Hoàng Thị V và ông Nông Văn N thuộc một phần thửa số 34 tờ bản đồ số 01 bản đồ lâm nghiệp xã T, quy chủ Ủy ban nhân dân xã. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2010 thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần diện tích thửa đất số 16 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất quốc phòng (CQP), được quy chủ trong sổ mục kê đất đai Ủy ban nhân dân xã. Hiện nay phần diện tích đất tranh chấp chưa được giao cho Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Năm 2017, Nhà nước mở đường N - T qua một phần diện tích đất tranh chấp, bà Hoàng Thị V đã kê khai đền bù nhưng do có việc tranh chấp đất giữa bà Hoàng Thị V và ông Nông Văn N nên chưa chi trả tiền đền bù.

Công văn số 1278/UBND-TNMT ngày 14 tháng 11 năm 2018 Ủy ban nhân dân huyện L cho biết: Diện tích đất tranh chấp giữa bà Hoàng Thị V và ông Nông Văn N hiện nay không thuộc quy hoạch sử dụng vào công trình, dự án nào; việc sử dụng diện tích đất tranh chấp của các hộ dân là hợp pháp, tài sản được phép tồn tại trên đất; có thể xem xét giao quyền sử dụng đất theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ khoản 1 Điều 101, Điều 166, khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; các Điều 164, 169, 185, 357, 468, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V;

Bà Hoàng Thị V được quyền quản lý, sử dụng 5.780m² đất tại đồi N, Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có kích thước, vị trí tiếp giáp như sơ họa (kèm theo bản án); bà Hoàng Thị V được quyền sở hữu 57 cây thông hiện có trên đất tranh chấp, trong đó có 29 cây thông có đường kính gốc từ 11 đến 20cm, 18 cây thông có đường kính gốc trên 21cm; 10 cây thông có đường kính gốc từ 05cm đến 10cm.

Buộc ông Nông Văn N có trách nhiệm bồi thường cho bà Hoàng Thị V số tiền 1.008.000 đồng (một triệu không trăm linh tám nghìn đồng) tương đương với giá trị của 17 cây thông bị đốt cháy.

Buộc ông Nông Văn N phải di dời 01 nhà lều có chiều cao 2,8m, chiều dài 5,6m, chiều rộng 3,4m, diện tích 19,04m², lợp pro xi măng ra ngoài thửa đất đang tranh chấp.

Buộc ông Nông Văn N phải chịu 27.250.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả; quyết định miễn án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, ông Nông Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết: Giao toàn bộ diện tích đất tranh chấp và cây trồng trên đất tại đồi N, thôn N, xã T cho ông Nông Văn N quản lý, sử dụng; ông Nông Văn N có quyền nhận tiền đền bù đối với số diện tích đất đã bị thu hồi làm đường N- T và buộc bà Hoàng Thị V phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nông Văn N giữ nguyên kháng cáo với các căn cứ: Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông cha của ông để lại và ông đã được quản lý sử dụng từ những năm 1960 đến nay. Khoảng năm 1975 ông cho Hợp tác xã mượn đất để ươm bầu cây thông, từ năm 1996 đến nay ông chuyển vào Miền Nam sinh sống nhưng đã ủy quyền cho các cháu và các con trông coi, quản lý đất. Số cây thông có trên đất là do tự mọc không ai trồng. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo nội dung đơn kháng cáo của ông. Chị Nông Thị C và chị Nông Thị T nhất trí với ý kiến trình bày của ông Nông Văn N.

Bà Hoàng Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn N vì: Diện tích đất đang tranh chấp đã được gia đình bà Hoàng Thị V quản lý, sử dụng ổn định, tài sản trên đất tranh chấp do bà Hoàng Thị V trồng, quản lý và khai thác. Việc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nông Văn N và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, cả hai bên đương sự đều không có tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất. Xét về quá trình quản lý sử dụng đất: Theo bà Hoàng Thị V, từ khi được mẹ chồng giao quản lý khu đất đang tranh chấp, bà đã trồng thông và khai thác nhựa đến năm 2012 thì không khai thác nữa nhưng bà vẫn thường xuyên quản lý, sử dụng khu đất tranh chấp này. Lời khai của bà Hoàng Thị V phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Nông Văn P. Vì vậy có cơ sở để xác định bà Hoàng Thị V là người quản lý, sử dụng đất tranh chấp ổn định cho đến năm 2018 mới phát sinh tranh chấp. Tại cấp sơ thẩm các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nhận tiền đền bù mà chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp đất nên yêu cầu kháng cáo của ông Nông Văn N về nội dung này không thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp phúc thẩm. Do yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V được chấp nhận nên ông Nông Văn N phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Với nội dung phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát xác định kháng cáo của ông Nông Văn N không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng người đại diện hợp pháp của Đoàn biên phòng C, tỉnh Lạng Sơn và Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không liên quan đến nội dung kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều trình bày nguồn gốc đất tranh chấp là của ông cha để lại nhưng kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm, không đương sự nào cung cấp được chứng cứ chứng minh nội dung này.

[3] Theo Công văn số 381/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L thì diện tích đất đang tranh chấp hiện nay chưa được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào; chưa được giao cho Cơ quan, tổ chức nào quản lý, sử dụng.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nông Thị T khai: Năm 2015 chị đã khai thác (chặt) 70 cây - 80 cây thông trên diện tích đất tranh chấp. Xét thấy, lời khai của chị Nông Thị T tại phiên tòa mâu thuẫn với chính lời khai của chị và chị Nông Thị C tại cấp sơ thẩm, cụ thể: Tại các bút lục số 54, 67, 128, 143 chị Nông Thị C và chị Nông Thị T trình bày: Anh Nông Văn K đã đi Miền Nam sinh sống từ năm 1996, các chị ở xa khu đất tranh chấp nên mặc dù được ông Nông Văn N ủy quyền quản lý khu đất tranh chấp từ năm 2011 nhưng thực tế các chị nhờ chú Nông Văn P, ông Nông Văn S, Nông Văn P (đã chết năm 2014) trông coi hộ, các chị không tác động gì vào đất và tài sản trên đất. Mặt khác, theo đề nghị của chị Nông Thị T, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà Nông Thị Đ tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Bà Nông Thị Đ và ông Nông Văn P đều trình bày nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nông Văn N nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh; không biết được quá trình quản lý, sử dụng đất, tài sản trên đất tranh chấp. Bên cạnh đó, ông Nông Văn P, ông Nông Văn S và bà Nông Thị Đ đều có quan hệ họ hàng với ông Nông Văn N; ông Nông Văn P bị mù cả hai mắt từ năm 1988, không lao động được; ông Nông Văn S và bà Nông Thị Đ có mâu thuẫn với bà Hoàng Thị V. Vì vậy, lời khai của những người làm chứng này không đảm bảo tính khách quan, không có giá trị pháp lý.

[5] Lời khai của bà Hoàng Thị V về quá trình quản lý, sử dụng đất và cây trồng trên đất tranh chấp phù hợp với lời trình bày của người làm chứng là ông Nông Văn P. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 11 năm 2018, ông Nông Văn P trình bày: Ông không có mâu thuẫn, không có quan hệ họ hàng với bà Hoàng Thị V và ông Nông Văn N. Năm 1995 ông mua với ông Nông Văn N mảnh ruộng khe ở ngay dưới chân khu đất tranh chấp và thường xuyên canh tác trên đó; từ đó đến nay ông chỉ thấy bà Hoàng Thị V là người trồng thông và quản lý khu đất hiện nay đang tranh, không thấy ông Nông Văn N quản lý khu đất tranh chấp (bút lục 114).

[6] Do đó, có căn cứ xác định gia đình bà Hoàng Thị V là người quản lý, sử dụng ổn định đất và cây trồng trên đất đang tranh chấp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho bà Hoàng Thị V được quyền quản lý dụng 5.780m² đất (trong đó có một phần diện tích đất và cây trồng trên đất đã bị thu hồi) và sở hữu 57 cây thông hiện có trên đất; thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa danh khu đồi P (NC), thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ.

[7] Như đã phân tích ở trên, do không có căn cứ xác định ông Nông Văn N là người quản lý, sử dụng đất và cây trồng trên đất đang tranh chấp ổn định, hợp pháp nên ông Nông Văn N không được hưởng quyền lợi của người có đất và tài sản khi bị Nhà nước thu hồi là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền đền bù mà yêu cầu giải quyết đất tranh chấp, nên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ai thì người đó nhận tiền đền bù. Vì vậy, kháng cáo của ông Nông Văn N về việc yêu cầu được quyền nhận tiền đền bù

đối với số diện tích đất đã bị thu hồi làm đường N- T không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V được cấp sơ thẩm chấp nhận và các bên không thỏa thuận được về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng nên ông Nông Văn N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[9] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông Nông Văn N không có cơ sở để cấp phúc thẩm chấp nhận; cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Nhận định này phù hợp với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[10] Do kháng cáo của ông Nông Văn N không được cấp phúc thẩm chấp nhận, nên ông Nông Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, xét thấy ông Nông Văn N là người cao tuổi và có đơn yêu cầu đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn nghĩa vụ nộp án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nông Văn N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[11] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 101, Điều 166, khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 164, 169, 185, 357, 468, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn N; giữ nguyên Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

1. Bà Hoàng Thị V được quyền quản lý và sử dụng 5.780m² đất rừng sản xuất tại khu đồi P (NC), Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất được ký hiệu bằng hình khép kín gồm các điểm ABCDEFPQNOML, có kích thước, vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp một phần thửa đất 16 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do bà Hoàng Thị V đang quản lý, sử dụng, cạnh dài 38,60m + 9,86m + 16,44m + 5,08m;

Phía Nam giáp một phần thửa đất số 16 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do ông Nông Văn S đang sử dụng, cạnh dài 21,35m + 6,23m;

Phía Đông giáp thửa đất số 13, 17, 25, 35 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đất ruộng của ông Nông Văn P đang quản lý, sử dụng, cạnh dài 6,48m + 23,13m + 52,00m + 39,24m;

Phía Tây giáp đường đi, cạnh dài 17,94m + 85,7m.

(Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp kèm theo Bản án).

2. Bà Hoàng Thị V được quyền sở hữu cây trồng hiện có trên đất gồm 57 cây thông; trong đó có 29 cây thông có đường kính gốc từ 11cm đến 20cm, 18 cây thông có đường kính gốc trên 21cm; 10 cây thông có đường kính gốc từ 05cm đến 10cm, trên diện tích 5.780m² đất rừng sản xuất tại khu đồi P (NC), Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 16 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Buộc ông Nông Văn N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Hoàng Thị V 17 cây thông (trong đó có 09 cây thông có đường kính gốc từ 11 đến 20cm thành tiền 630.000 đồng, 02 cây thông có đường kính gốc trên 20cm thành tiền 234.000 đồng, 06 cây thông có đường kính gốc từ 05cm đến 10cm thành tiền 144.000 đồng); tổng trị giá 1.008.000 đồng (một triệu không trăm linh tám nghìn đồng).

4. Buộc ông Nông Văn N phải di dời 01 nhà lều có chiều cao 2,8m, chiều dài 5,6m, chiều rộng 3,4m, diện tích 19,04m², lợp pro xi măng ra ngoài thửa đất số 16 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trả phần đất tranh chấp cho bà Hoàng Thị V.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Nông Văn N phải chịu 27.250.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ông Nông Văn N phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị V 27.250.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà bà Hoàng Thị V đã chi trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí: Ông Nông Văn N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa dân sự.

Nguyễn Thị Minh Thùy

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Lộc Bình, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy